

LỜI NÓI ĐẦU

“Học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với sản xuất” đó là phương châm giáo dục và đào tạo của Đảng ta, của nhà trường Xã hội chủ nghĩa chúng ta.

Từ những yêu cầu cơ bản đó, sau khi được học xong phần lý thuyết về chuyên ngành kế toán, lãnh đạo nhà trường đã cho sinh viên thâm nhập thực tế nhằm củng cố vận dụng những lý luận đã học được vào sản xuất, vừa nâng cao năng lực tay nghề chuyên môn, vừa làm chủ được công việc sau này khi tốt nghiệp ra trường về công tác tại cơ quan, xí nghiệp có thể nhanh chóng hoà nhập và đảm đương các nhiệm vụ được phân công.

Là một sinh viên chuyên ngành kế toán, trong thời gian thực tập tại công ty , được sự giúp đỡ tận tình của cô giáo hướng dẫn và của Quý công ty , em đã quan tâm tìm hiểu về hoạt động của công ty đặc biệt là về công tác kế toán tại công ty và mạnh dạn chọn đề tài : hoàn thiện tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty CP DTC Việt Nam

Với đề tài này em đã tìm hiểu nghiên cứu và rút ra những kinh nghiệm hiểu biết cho bản thân đồng thời mạnh dạn bày tỏ một vài ý kiến hy vọng có thể giúp ích cho hoạt động kế toán của công ty trong thời gian tới.

Nội dung của báo cáo này ngoài Lời mở đầu và Kết luận, khóa luận gồm 3 chương chính :

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác **kế toán vốn bằng tiền** tại doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng tổ chức **kế toán vốn bằng tiền** tại công ty CP DTC Việt Nam

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác **kế toán vốn bằng tiền** tại công ty CP DTC Việt Nam

Vì thời gian thực tập ở công ty có hạn và do còn thiếu kinh nghiệm nên có thể báo cáo này của em còn chưa được tốt. Rất mong được các thầy cô giáo và Quý công ty CP DTC Việt Nam góp ý kiến để báo cáo được hoàn thiện hơn.

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN

1.1 MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ VỐN BẰNG TIỀN

1.1.1. Khái niệm:

Vốn bằng tiền là bộ phận quan trọng của vốn kinh doanh thuộc tài sản lưu động của doanh nghiệp được hình thành chủ yếu qua quá trình bán hàng và cung cấp dịch vụ tồn tại trực tiếp dưới hình thức tiền tệ bao gồm:

- Tiền mặt- TK 111
- Tiền gửi ngân hàng- TK 112
- Tiền đang chuyển- TK 113

Vai trò kế toán vốn bằng tiền : Trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, việc quản lý và sử dụng vốn là khâu quan trọng có tính quyết định tới mức độ tăng trưởng hay suy thoái của doanh nghiệp. Vốn bằng tiền là đối tượng có nhiều khả năng phát sinh rủi ro hơn các loại tài sản khác, vì vậy nó cần được quản lý chặt chẽ, thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các khoản thu chi bằng tiền là rất cần thiết. Trong quản lý có nhiều phương pháp quản lý khác nhau như thống kê, phân tích,...nhưng trong đó thì công tác kế toán luôn được coi là công cụ quản lý quan trọng nhất. Với chức năng ghi chép, cập nhật, tính toán, phản ánh giám sát thường xuyên liên tục do sự biến động tài sản bằng các thước đo giá trị và hiện vật, kế toán cung cấp các số liệu cần thiết về thu chi vốn bằng tiền đáp ứng yêu cầu quản lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Các thông tin kinh tế tài chính do kế toán cung cấp giúp cho chủ doanh nghiệp và người quản lý nắm vững được tình hình và kết quả hoạt động sản xuất của doanh nghiệp rồi từ đó đưa ra được phương án tối ưu nhằm phát triển doanh nghiệp. Để phản ánh các nghiệp vụ thu chi tiền thì kế toán có các nghiệp vụ sau:

- Kế toán tiền mặt tại quỹ
- Kế toán tiền gửi ngân hàng
- Kế toán tiền đang chuyển(nếu doanh nghiệp có sử dụng)

Yêu cầu quản lý vốn bằng tiền

Mọi biến động của vốn bằng tiền cần phải làm đầy đủ thủ tục và chứng từ hợp lệ và phải được phản ánh đầy đủ.

Việc sử dụng, chi tiêu vốn bằng tiền phải đúng mục đích, đúng chế độ.

1.1.2. Nguyên tắc hạch toán

- Hạch toán vốn bằng tiền sử dụng đơn vị tiền tệ thống nhất là đồng Việt Nam tên gọi quốc tế là VNĐ.

- Các nghiệp vụ phát sinh trong niên độ kế toán bằng đồng tiền khác với đồng VNĐ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế. Cuối niên độ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc khác với đồng VNĐ được quy đổi theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên Ngân hàng do Ngân Hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày kết thúc niên độ kế toán (ngày 31/12). Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Nguyên tắc hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng :

- Hàng ngày, khi nhận được giấy báo nợ, báo có và các giấy tờ khác có liên quan, kế toán tiến hành ghi sổ. Kế toán phải đối chiếu số liệu ở “Giấy báo số dư khách hàng” do ngân hàng gửi đến với số liệu trên sổ của mình. Nếu có sự chênh lệch thì doanh nghiệp phải thông báo ngay cho ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý cho kịp thời.

1.1.3. nhiệm vụ hạch toán

- Phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ phải đầy đủ, kịp thời để phản ánh chính xác và đầy đủ quá trình vận động của vốn bằng tiền
- Giám sát chặt chẽ quá trình thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển
- Tổ chức thực hiện các quy định về chứng từ, thủ tục hạch toán vốn bằng tiền
- Thông qua việc ghi chép kế toán thực hiện các chức năng kiểm soát và phát hiện các trường hợp chi tiêu không hợp lý, sai chế độ, phát hiện chênh lệch, sai sót, xác định nguyên nhân và tìm biện pháp xử lý

1.1.4. Nguyên tắc quản lý tiền mặt

Chỉ phản ánh vào tài khoản 111- Tiền mặt, số tiền mặt thực tế xuất nhập quỹ tiền mặt. Đối với tài khoản thu được đang chuyển vào ngân hàng (không qua quỹ tiền mặt của doanh nghiệp) thì không ghi vào bên nợ tài khoản 111 mà ghi vào tài khoản 113- Tiền đang chuyển.

Các khoản tiền mặt do doanh nghiệp khác và cá nhân ký quỹ, ký cược quỹ tại doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như các tài sản bằng tiền khác.

Khi tiến hành nhập quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép nhập, xuất quỹ đính kèm.

Kế toán tiền mặt tại quỹ phải có trách nhiệm mở sổ kế toán quỹ tiền mặt ghi chép hàng ngày liên tục, theo trình tự phát sinh các khoản thu chi xuất, nhập quỹ tiền mặt, tính ra số tiền tồn tại quỹ tại mọi thời điểm.

Thủ quỹ chịu trách nhiệm, quản lý nhập- xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tiền tồn quỹ còn lại đến thời điểm thực tế. Đối chiếu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt. Nếu có chênh lệch kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và từ đó đưa ra biện pháp xử lý.

Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt phải được quy đổi ra Việt Nam Đồng theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường liên ngân hàng do Ngân Hàng Nhà Nước công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế để ghi sổ kế toán.

Trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ tiền mặt ngoại tệ bằng Việt Nam Đồng theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên có tài khoản 1112 được quy đổi ngoại tệ ra Việt Nam Đồng theo tỷ giá ghi sổ kế toán TK 1112 theo một trong các phương pháp sau:

- Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ
- Phương pháp nhập trước- xuất trước
- Phương pháp nhập sau – xuất trước
- Phương pháp giá thực tế đích danh

Tiền mặt ngoại tệ được hạch toán chi tiết theo từng loại nguyên tệ trên tài khoản 007 “Nguyên tệ các loại” (đây là loại tài khoản ngoài bảng)

Đối với vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, phản ánh ở tài khoản tiền mặt chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ tiền mặt thì việc nhập xuất được hạch toán như các loại hàng tồn kho khi sử dụng để thanh toán chi trả được hạch toán như ngoại tệ.

1.2 TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN

❖ Tài khoản 111- Tiền mặt

- Tài khoản 1111: Tiền Việt Nam
- Tài khoản 1112: Ngoại tệ
- Tài khoản 1113: Vàng, bạc, kim khí, đá quý

❖ Tài khoản 112- Tiền gửi ngân hàng

- Tài khoản 1121: Tiền Việt Nam
- Tài khoản 1122: Ngoại tệ
- Tài khoản 1123: Vàng, bạc, kim khí, đá quý

❖ Tài khoản 113- Tiền đang chuyển

- Tài khoản 1131: Tiền Việt Nam
- Tài khoản 1132: Ngoại tệ

1.2.1. kế toán tiền mặt tại quỹ

Phương pháp hạch toán kế toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu

- Kế toán tiền mặt tại quỹ là Việt Nam Đồng
- Kế toán tiền mặt tại quỹ là ngoại tệ
- Kế toán tiền mặt tại quỹ là vàng, bạc, đá quý

Kết cấu và nội dung tài khoản 111

Bên nợ

Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ

Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.

Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt ngoại tệ).

Bên có

Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý xuất quỹ

Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý thiếu hụt ở quỹ phát hiện khi kiểm kê

Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt ngoại tệ)

Số dư bên nợ

Phản ánh số tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, còn tồn tại quỹ đến thời điểm kiểm kê.

Tài khoản 111- Tiền mặt có 3 tài khoản cấp 2

Tài khoản 1111- Tiền Việt Nam: Phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.

Tài khoản 1112- Ngoại tệ: Phản ánh tình hình thu chi, tăng giảm tỷ giá và tồn quỹ ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo giá quy đổi ra Việt Nam Đồng

Tài khoản 1113- Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng bạc kim khí quý, đá quý khi xuất nhập và tồn quỹ

1.2.1.1. chứng từ sử dụng

Chứng từ sử dụng khi hạch toán tiền mặt tại quỹ

- Phiếu thu (MS01- TT)
 - Phiếu chi (MS01- TT)
 - Giấy đề nghị tạm ứng (MS03- TT)
 - Giấy thanh toán tạm ứng (MS04- TT)
 - Biên lai thu tiền (MS06- TT)
 - Bảng kê vàng, bạc, kim khí quý, đá quý (MS07- TT)
 - Bảng kiểm kê quỹ (MS08a- TT) – Dùng cho Việt Nam Đồng
 - Bảng kiểm kê quỹ (MS08b- TT) – Dùng cho ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.
- Bảng kê chi tiền (MS09- TT)

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng

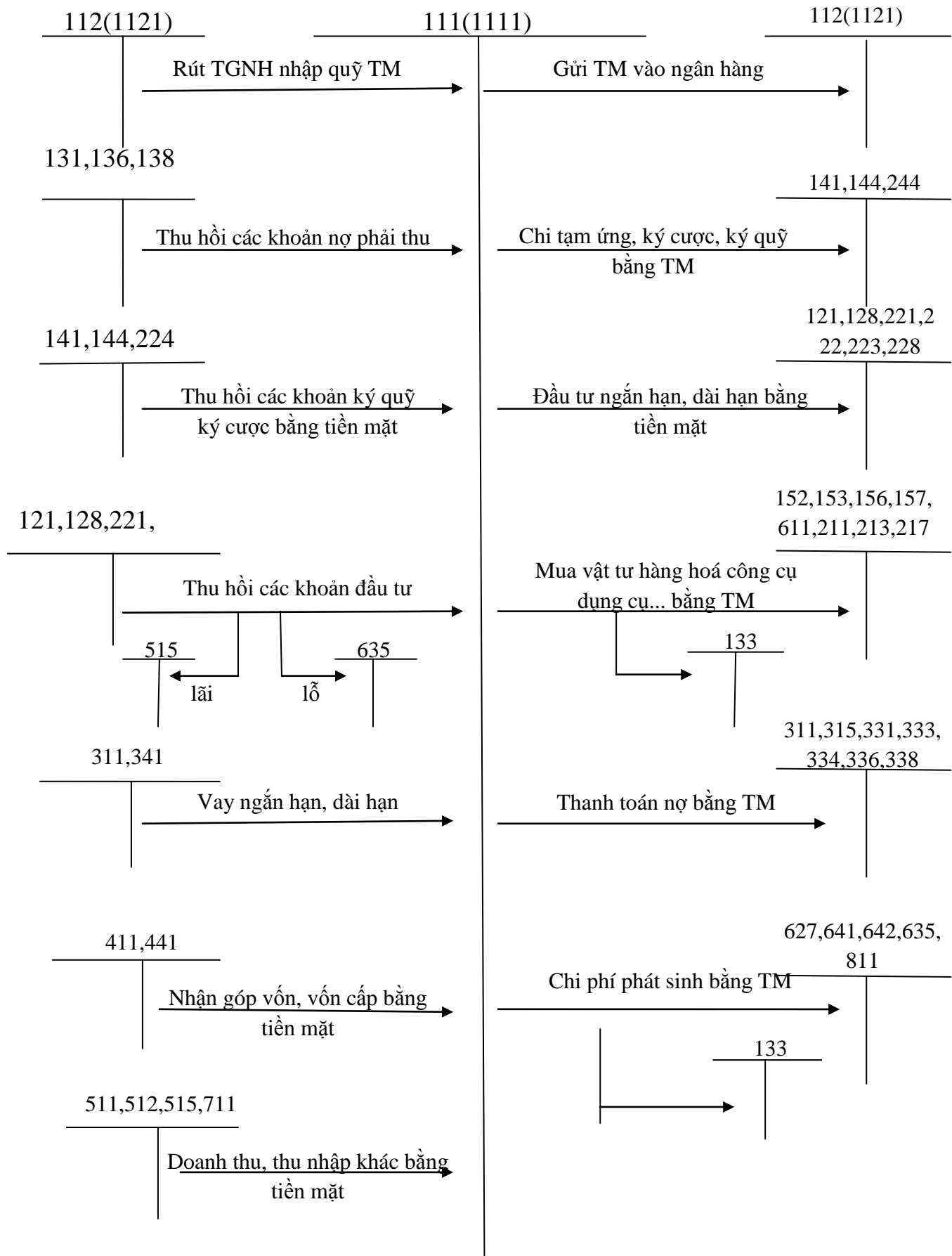
Tài khoản 111 : Tiền mặt

Tài khoản 1111: Tiền Việt Nam

Tài khoản 1113: Vàng, bạc, kim khí, đá quý

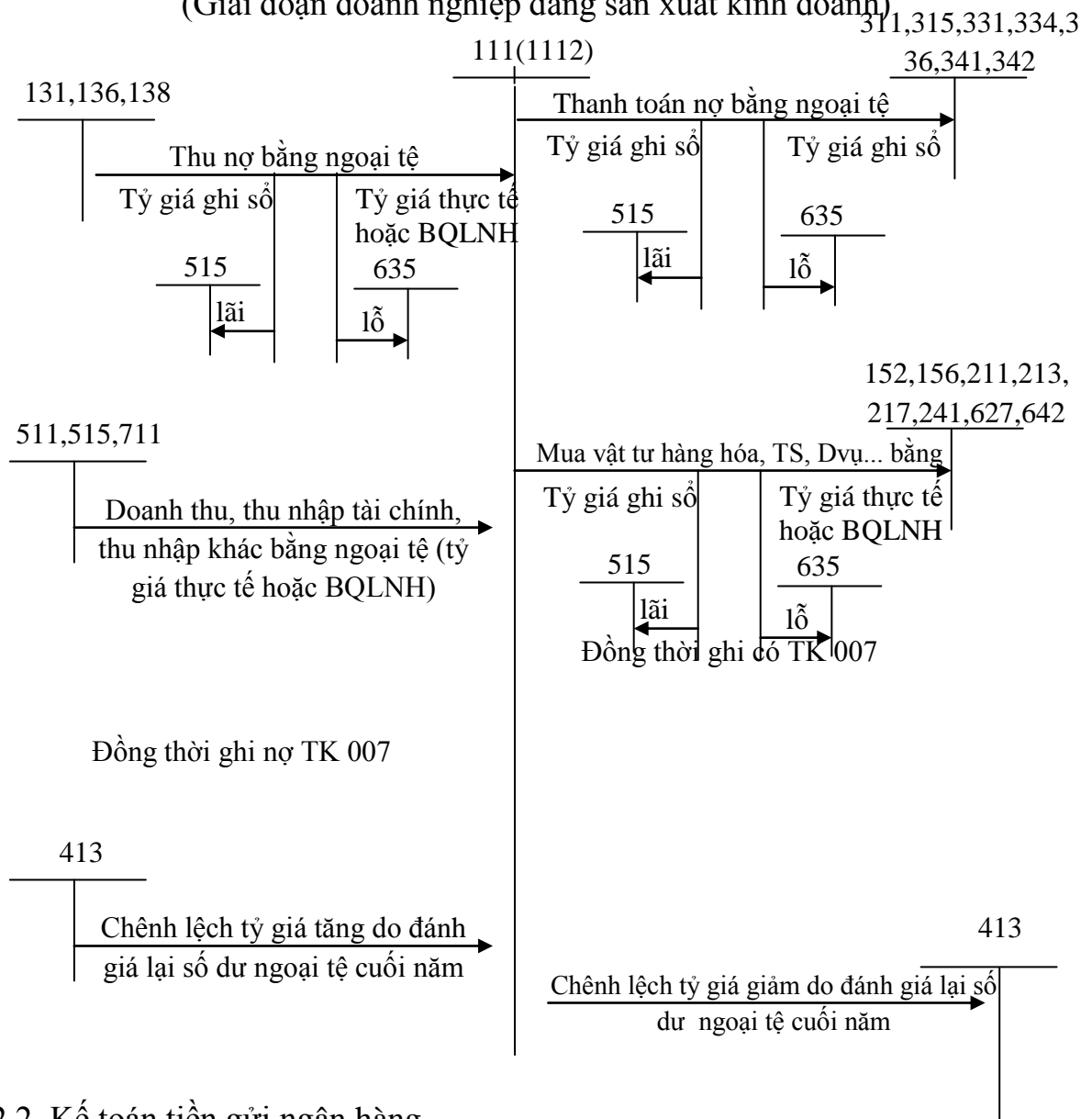
1.2.1.3. Kế toán 1 số nghiệp vụ

Sơ đồ 1.1: Kế Toán Tiền Mặt (VNĐ)



Sơ đồ 1.2: Kế Toán Tiền Mặt - Ngoại Tệ

(Giai đoạn doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh)



1.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 112

-Bên nợ

Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, đá quý gửi vào ngân hàng
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi cuối kỳ

- Bên có

Các khoản tiền Việt Nam ngoại tệ, vàng bạc, đá quý rút ra từ ngân hàng
Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi cuối kỳ

- Số dư bên nợ

Số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, đá quý hiện còn gửi tại ngân hàng.

Tài khoản 112 có 3 tài khoản cấp 2

Tài khoản 1121: Tiền Việt Nam

Tài khoản 1122: Ngoại tệ

Tài khoản 1123: Vàng bạc, kim khí quý, đá quý

Một số nguyên tắc khi hạch toán trên tài khoản 112- TGNH

Khi hạch toán trên tài khoản 112- tiền gửi ngân hàng, là các giấy báo có, báo nợ hoặc bảng sao kê của ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (Ủy nhiệm thu, uỷ nhiệm chi, séc chuyển khoản,...)

Khi nhận được chứng từ của ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu của chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của ngân hàng thì đơn vị phải thông báo cho ngân hàng để cùng đối chiếu xác minh, xử lý kịp thời. Cuối tháng chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu của ngân hàng theo giấy báo nợ, báo có hoặc bảng sao kê. Số chênh lệch của kế toán lớn hơn số liệu của ngân hàng thì ghi vào bên nợ TK 138(1388). Còn nếu số liệu của kế toán nhỏ hơn số liệu của ngân hàng thì ghi vào bên có TK 338(3388). Sang tháng sau tiếp tục kiểm tra đối chiếu xác định được nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi sổ cho phù hợp.

Ở những đơn vị có các tổ chức, bộ phận không phụ thuộc và không có tổ chức kế toán riêng, có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi hoặc mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận tiện cho việc thanh toán giao dịch. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (Việt Nam Đồng).

Phải tổ chức hạch toán chi tiết số tiền gửi theo từng tài khoản ở ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra đối chiếu.

Trường hợp tiền gửi vào ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra Việt Nam Đồng theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc theo tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh.

Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào ngân hàng phải được phản ánh theo tỷ giá mua thực tế phải trả.

Trường hợp rút TGNH bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra Việt Nam Đồng theo tỷ giá đang phản ánh trên sổ kế toán tài khoản 1122 theo một trong các phương pháp sau:

- Phương pháp bình quân gia quyền
- Phương pháp nhập trước xuất trước
- Phương pháp nhập sau xuất trước
- Phương pháp thực tế đích danh

Trong giai đoạn sản xuất kinh doanh (kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh vừa có hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngoại tệ nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái (lãi tỷ giá) thì các khoản chênh lệch này được hạch toán vào bên có tài khoản 515-Doanh thu hoạt động tài chính.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản(giai đoạn trước hoạt động) Nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan đến tiền gửi ngoại tệ này được hạch toán vào tài khoản 413- chênh lệch tỷ giá hối đoái.

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng để hạch toán tiền gửi ngân hàng

- Hoá đơn giá trị gia tăng
- Uỷ nhiệm thu, Uỷ nhiệm chi
- Sổ phụ khách hàng
- Séc chuyển khoản, séc bảo chi
- Bản sao kê của khách hàng

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

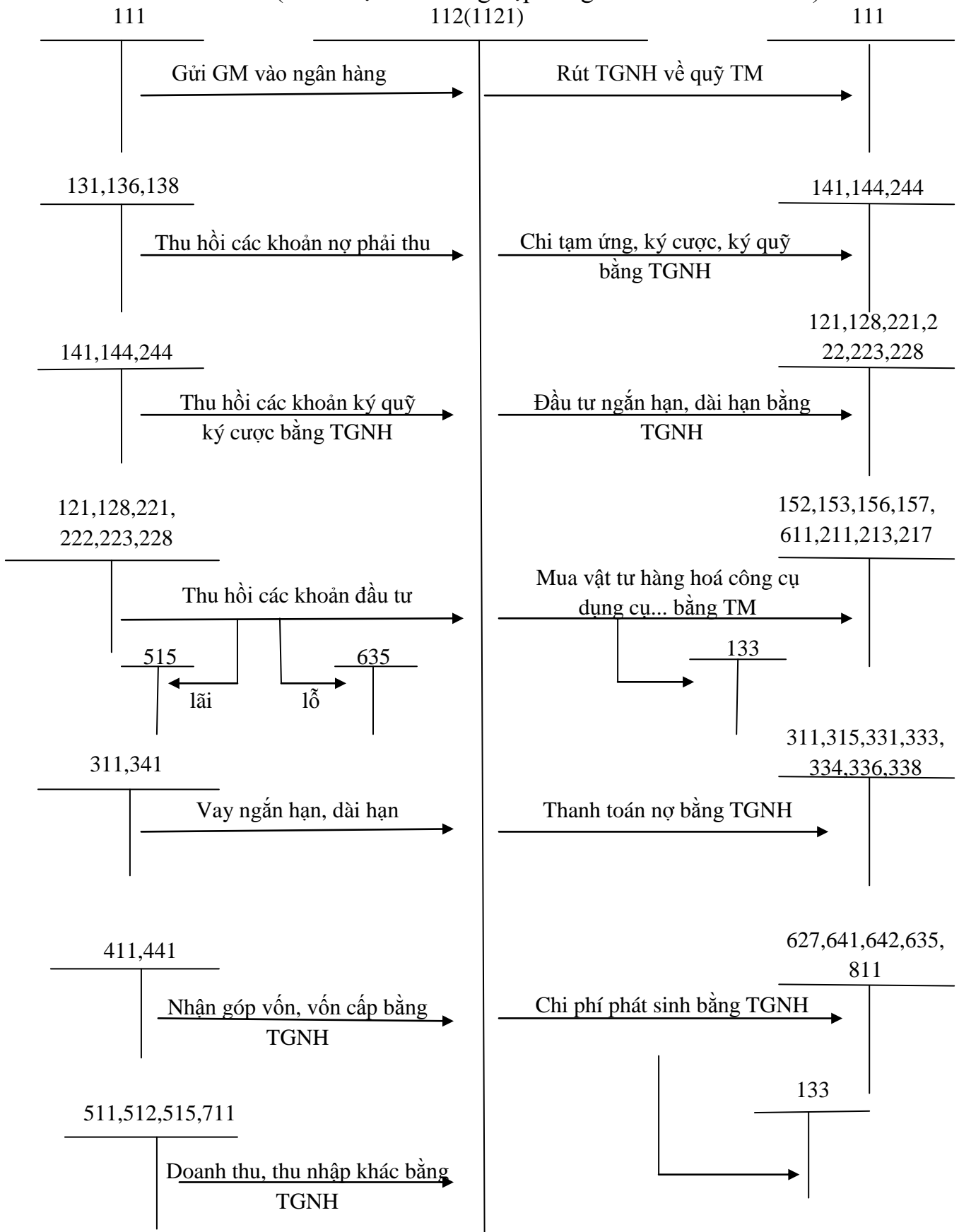
Tài khoản 112- Tiền gửi ngân hàng

Tài khoản 1121: Tiền Việt Nam

1.2.2.3. Kế toán một số nghiệp vụ

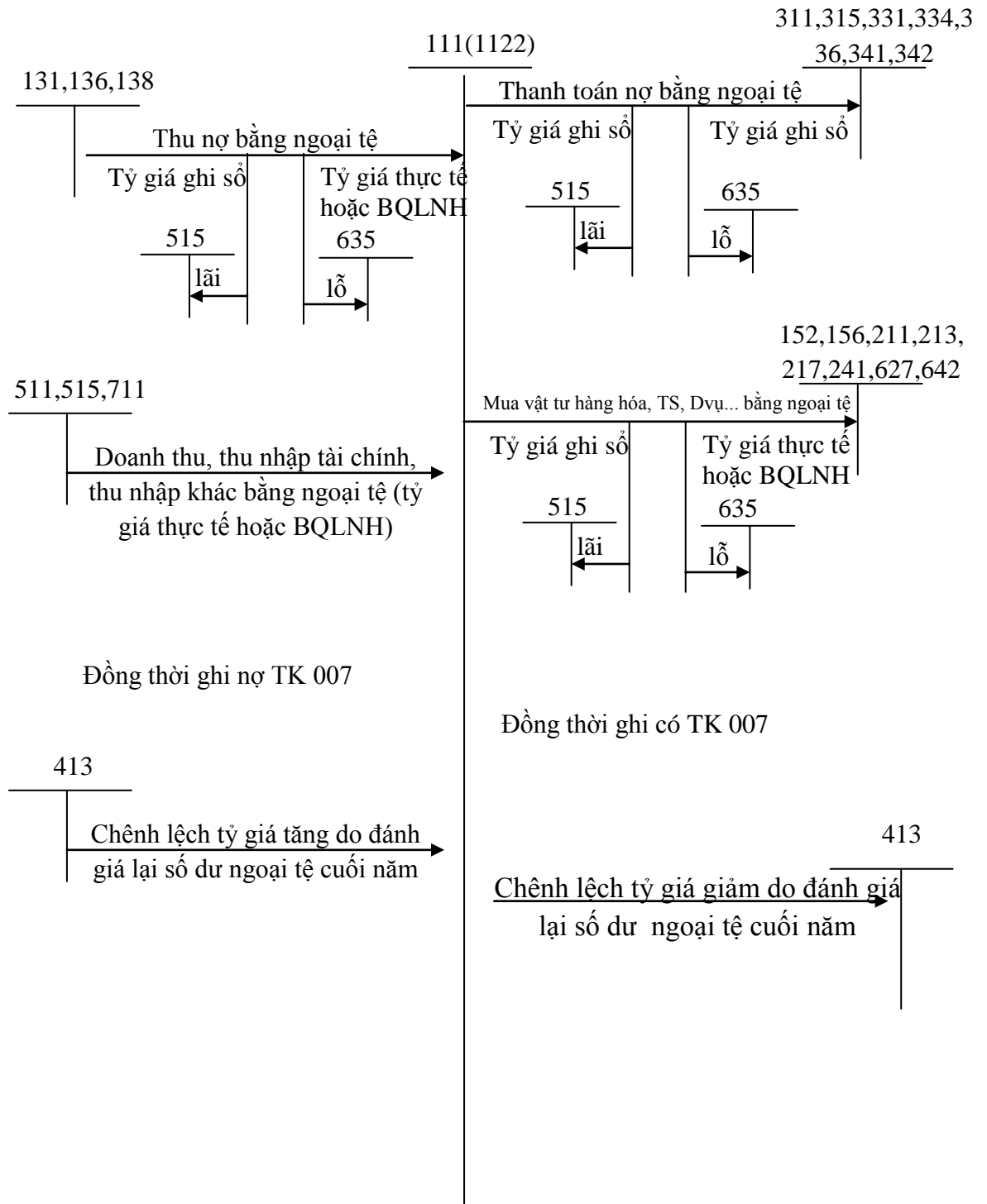
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán TGNH là tiền Việt Nam

(Giai đoạn doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh)



Sơ đồ 1.4: Kế toán TGNH là ngoại tệ

(Giai đoạn Doanh nghiệp SXKD)



1.2.3 kế toán tiền đang chuyển

Kế toán tiền đang chuyển (TK 113- tiền đang chuyển)

Tiền đang chuyển gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ đang chuyển trong các trường hợp sau:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng vào ngân hàng
- Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho đơn vị khác
- Thu tiền bán hàng nộp thuế vào kho bạc nhà nước

Kết cấu và nội dung phản ánh tài khoản 113- Tiền đang chuyển

- Bên nợ

- Các khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện chuyển vào ngân hàng nhưng chưa có giấy báo có của ngân hàng.
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

- Bên có

- Số kết chuyển vào tài khoản 112- tiền gửi ngân hàng hoặc tài khoản có liên quan.
- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

- Số dư bên nợ

Số tiền còn đang chuyển cuối kỳ.

1.2.3.1 Chứng từ sử dụng để hạch toán tiền đang chuyển

1.2.3.2 Tài khoản sử dụng

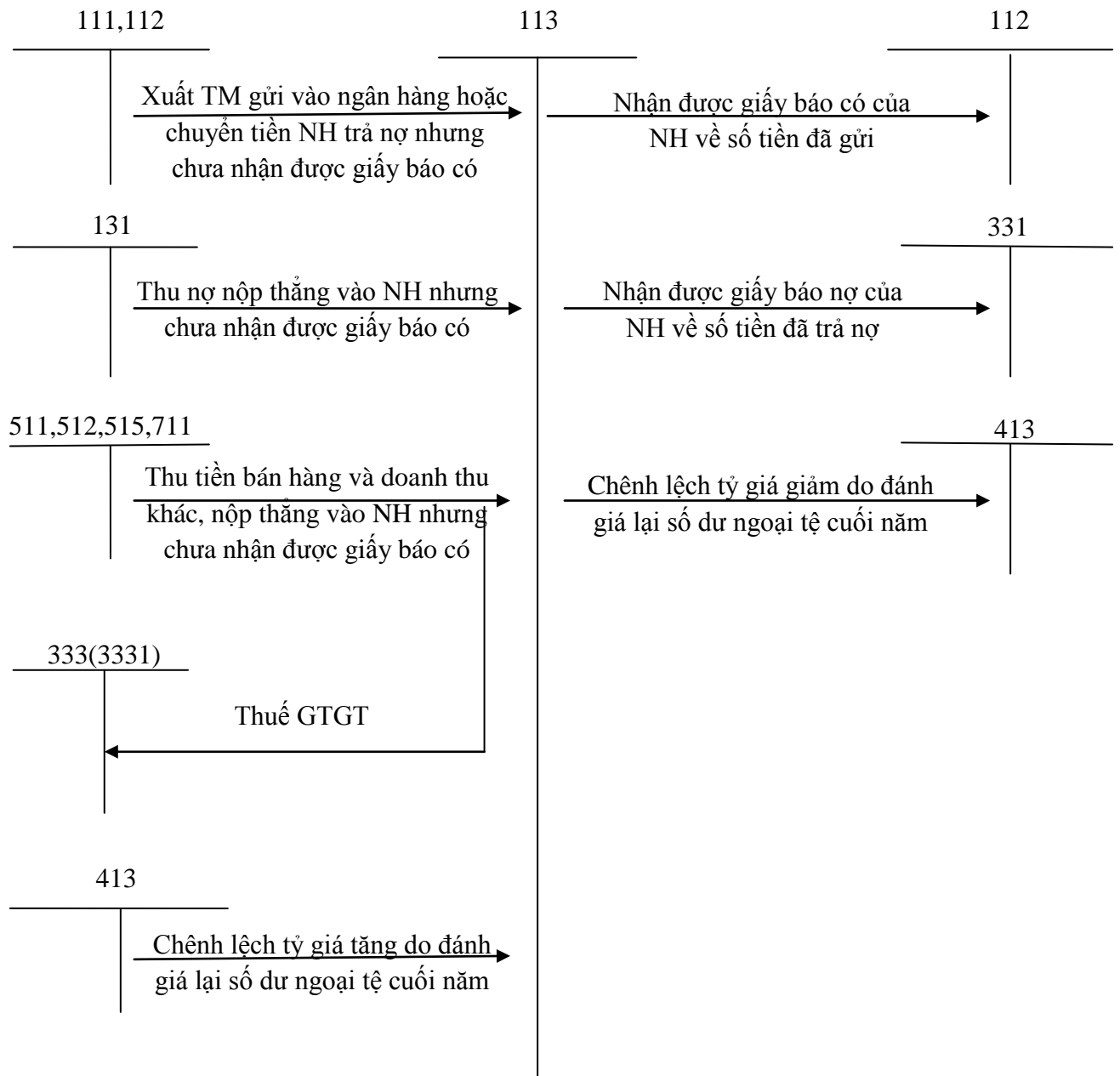
❖ Tài khoản 113- Tiền đang chuyển

- Tài khoản 1131: Tiền Việt Nam
- Tài khoản 1132: Ngoại tệ

1.2.3.3 Kế toán một số nghiệp vụ

Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

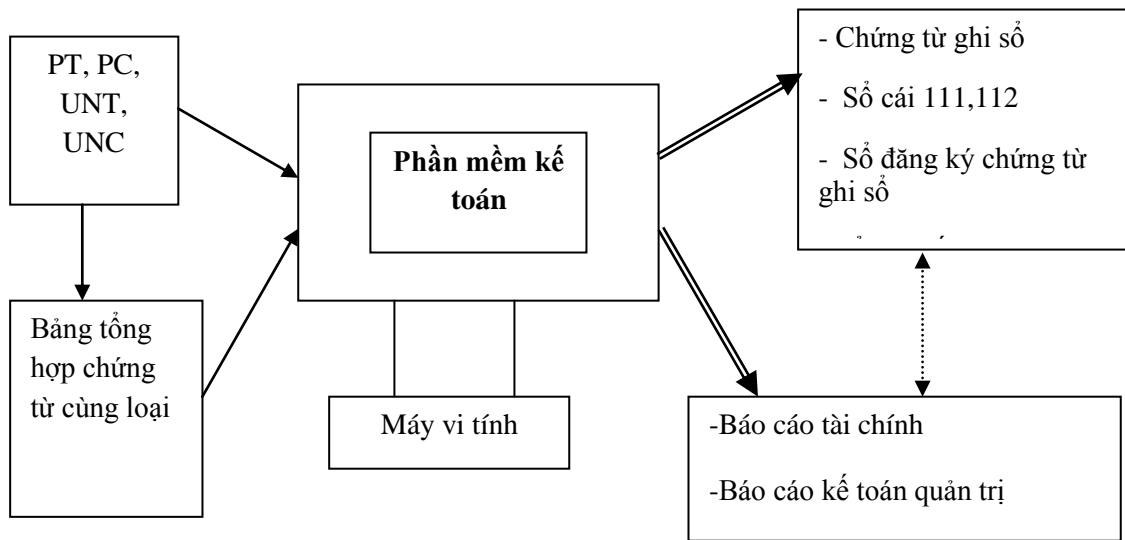
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán Tiền đang chuyển



1.3 VẬN DỤNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN TRONG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP

- Hình thức kế toán nhật ký chung
- Hình thức kế toán nhật ký sổ cái
- Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán nhật ký chứng từ
- Hình thức kế toán bằng phần mềm kế toán(trên máy vi tính)

*Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ áp dụng trong
KT vốn bằng tiền*



Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- ==> : Ghi cuối tháng
- ←-.-> : Đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CP DTC VIỆT NAM

2.1. Giới thiệu chung về công ty CP DTC Việt Nam

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty CP DTC Việt Nam :

Công ty cổ phần thương mại DTC Việt Nam được thành lập năm từ năm 2007, với số vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng. Là đơn vị kinh doanh ngoài quốc doanh, trong thời gian đầu tuy gặp rất nhiều khó khăn nhưng đến nay doanh nghiệp luôn đảm bảo được doanh thu năm sau cao hơn năm trước và mang lại thu nhập khá cho người lao động.

Nắm bắt được xu hướng phát triển của thị trường công ty đã đi sâu vào lĩnh vực kinh doanh về thiết bị xây dựng , môi giới trao đổi mua bán đất đai, dịch vụ, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường thủy, đường bộ và đường ven biển. Dịch vụ kí gửi, ủy thác, xuất nhập khẩu. ... Từ những ngày đầu thành lập công ty gặp nhiều khó khăn bởi nền kinh tế thị trường đang bắt đầu xâm nhập vào nền kinh tế nước ta, không ít những doanh nghiệp đã không thể trụ lại với sự cạnh tranh gay gắt của những công ty đến từ nước ngoài nhưng với sự năng động và sáng tạo trong công việc quản lý và điều hành doanh nghiệp, không ngừng học hỏi nâng cao trình độ lãnh đạo giúp cho giám đốc cùng đội ngũ lãnh đạo của công ty phát triển đầy mạnh mẽ từ năm 2009. Công ty Cổ phần DTC Việt Nam đã luôn đứng vững và ngày càng khẳng định được vị thế của mình trong lĩnh vực kinh doanh thiết bị xây dựng.

Trong quá trình phát triển công ty đã từng bước khắc phục những khó khăn, phát huy tinh thần sáng tạo, nhiệt tình của tập thể CBCNV công ty, ổn định kinh doanh, tìm hiểu và mở rộng thị trường đa dạng hóa loại hình kinh doanh, sắp xếp lực lượng lao động phù hợp với điều kiện thực tế của từng loại hình kinh doanh. Cán bộ công nhân viên đã có việc làm ổn định và thu nhập tốt.

Công ty cổ phần DTC Việt Nam có trụ sở chính tại Số 3 Núi Đèo – Thủy Nguyên – HP

2.1.2 Lĩnh vực hoạt động và bộ máy quản lý của công ty CP DTC Việt Nam :

Công ty Cổ phần DTC Việt Nam hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và dịch vụ xây dựng với chức năng chính như sau:

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh để đạt được mục tiêu và nội dung hoạt động.
- Bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp, thực hiện đầy đủ những nghĩa vụ đối với nhà nước
- Tổ chức khai thác hàng hóa, tập trung tối đa nguồn hàng từ bán buôn tới bán lẻ cho nhu cầu tiêu dùng xã hội, mở rộng đa dạng hóa loại hình kinh doanh dịch vụ hơn nữa để đáp ứng nhu cầu và hiệu quả kinh tế cao.
- Trong nền kinh tế thị trường sôi động như hiện nay công ty Cổ phần DTC Việt Nam mặc dù thành lập chưa lâu nhưng đã không ngừng phát triển mở rộng qui mô, Trong chiến lược của công ty sẽ vươn ra những tỉnh thành lân cận trong vài năm tới.

Mặt hàng kinh doanh và dịch vụ của doanh nghiệp:

Kinh doanh về thiết bị xây dựng , môi giới trao đổi mua bán đất đai, dịch vụ, Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường thủy, đường bộ và đường ven biển.

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ thương mại.
- Đại lý, ký gửi, ủy thác hàng hóa, ủy thác xuất nhập khẩu.
- Đầu tư xây dựng cơ bản, thi công xây dựng công trình dân dụng, nhà ở, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.
- Kinh doanh, đại lý vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, phương tiện vận tải, xe máy, điện tử, điện dân dụng, điện lạnh.

Những thuận lợi, khó khăn và mục tiêu phát triển của công ty CP DTC Việt Nam:

Thuận lợi:

- Là doanh nghiệp kinh doanh nên nguồn bán hàng rất phát triển. Quy mô của doanh nghiệp tương đối lớn và các trụ sở giao dịch được đặt trên các tuyến đường chính, giao thông tốt tạo sự thuận tiện cho quảng cáo và liên hệ của các bán hàng, thúc đẩy mối quan hệ kinh tế, thu hút nhiều tiềm năng từ các nhà đầu tư.

- Là doanh nghiệp đạt được nhưng thành tích cao luôn được thành Phố khen tặng, đặc biệt là những năm gần đây nên doanh nghiệp đã tạo được lòng tin với khách hàng cũng như các nhà đầu tư.

- Kinh doanh về thiết bị xây dựng cũng là một trong những ngành đang rất phát triển tại nước ta với nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng đang tăng cao vì vậy lượng khách hàng sẽ tương đối dồi dào.

- Trình độ tay nghề của công nhân cao, cùng với sự tận tụy, chăm chỉ và tình yêu đối với doanh nghiệp nên chỉ tiêu đạt được luôn như mong đợi

- Lực lượng cán bộ công nhân nhiều kinh nghiệm, nhiệt tình, năng động, trình độ quản lý cũng như nghiệp vụ chuyên môn cao, có khả năng tìm kiếm việc làm cho công ty.

Với chế độ hậu mãi và chăm sóc khách hàng tận tụy công ty đã được rất nhiều khách hàng tin tưởng và đặt niềm tin

Khó khăn:

Việc đầu tư vẫn còn cần nhiều về vốn nên khó có khả năng mở rộng thị trường. Trên thị trường đã xuất hiện các nhà cạnh tranh mới nên tính độc quyền bị giảm dần làm giảm thiểu nguồn thu không nhỏ đối với phía doanh nghiệp.

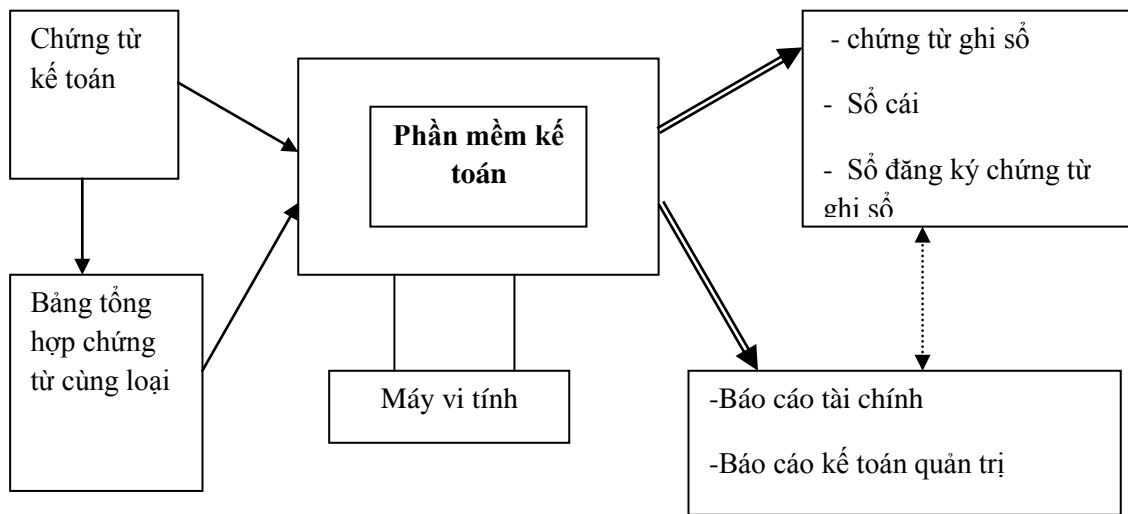
Kinh doanh về thiết bị xây dựng là một ngành mà đang có cầu tăng không ngừng nhưng ngược lại đây cũng là ngành kinh doanh cũng có rất nhiều người đầu tư nên không thể tránh khỏi sự cạnh tranh gay gắt có thể xảy ra cả sự cạnh tranh không lành mạnh.

2.1.3 Hình thức kế toán và hệ thống sổ sách mà công ty CP DTC Việt Nam :

Tổ chức công tác kế toán và hình thức ghi sổ kế toán:

Hiện nay, kế toán Công ty áp dụng theo hình thức Chứng từ ghi sổ và sử dụng phần mềm kế toán trên máy vi tính.

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính tại Công ty CP DTC Việt Nam.



Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- ⇒ : Ghi cuối tháng
- ↔ : Đối chiếu, kiểm tra

Giao diện chương trình kế toán sử dụng tại Công ty



ESOFT là một phần mềm có mức độ tự động hóa cao. ESOFT luôn có khả năng trợ giúp cho các nhân viên kế toán một cách tối đa, nhân viên kế toán chỉ phải

thực hiện một số ít các thao tác còn lại. Doanh nghiệp dùng phần mềm kết hợp trình tự ghi sổ theo hình thức nhật ký chung.

Căn cứ vào hệ thống tài khoản kế toán, chế độ thể lệ kế toán, quy mô đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, trình độ của đội ngũ kế toán yêu cầu quản lý cũng như điều kiện trên máy vi tính. Công ty đã áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ. Đây là hình thức đơn giản phù hợp với quy mô của doanh nghiệp vừa và nhỏ, đồng thời trong điều kiện công ty đã áp dụng kế toán máy thì giúp hệ thống hoá thông tin chính xác khoa học.

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế trên phần mềm kế toán.

Theo qui trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào các sổ kế toán tổng hợp và các sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

- Cuối tháng, kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập các báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu giữa số liệu sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo qui định.

Cuối tháng, cuối năm, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo qui định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Bộ máy kế toán tại Công ty cổ phần DTC Việt Nam được tổ chức theo mô hình tập trung, mọi nghiệp vụ kế toán phát sinh đều được gửi về phòng tài chính – kế toán để kiểm tra, xử lý và ghi sổ kế toán. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán của công ty áp dụng theo chuẩn mực kế toán

mới ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Để đáp ứng được yêu cầu quản lý, tạo điều kiện cho công tác hạch toán được thuận lợi, công ty đã áp dụng hình thức kế toán “chứng từ ghi sổ”. Theo hình thức này, hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc, kế toán lập bảng kê chi tiết từng tháng, cuối tháng căn cứ vào bảng kê chi tiết vào chứng từ ghi sổ, sổ kế toán chi tiết có liên quan. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ đăng kí chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào sổ cái. Cuối năm căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đối chiếu, khớp đúng số liệu ghi trên sổ đăng kí chứng từ ghi sổ với bảng cân đối tài khoản, số liệu ghi trên bảng cân đối tài khoản với bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ sổ kế toán chi tiết), được dùng để lập báo cáo tài chính.

Các loại sổ sách sử dụng: Sổ quỹ, chứng từ ghi sổ, sổ đăng kí chứng từ ghi sổ, sổ chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết, sổ cái.

Đặc điểm công tác tổ chức kế toán ở công ty CP DTC Việt Nam:

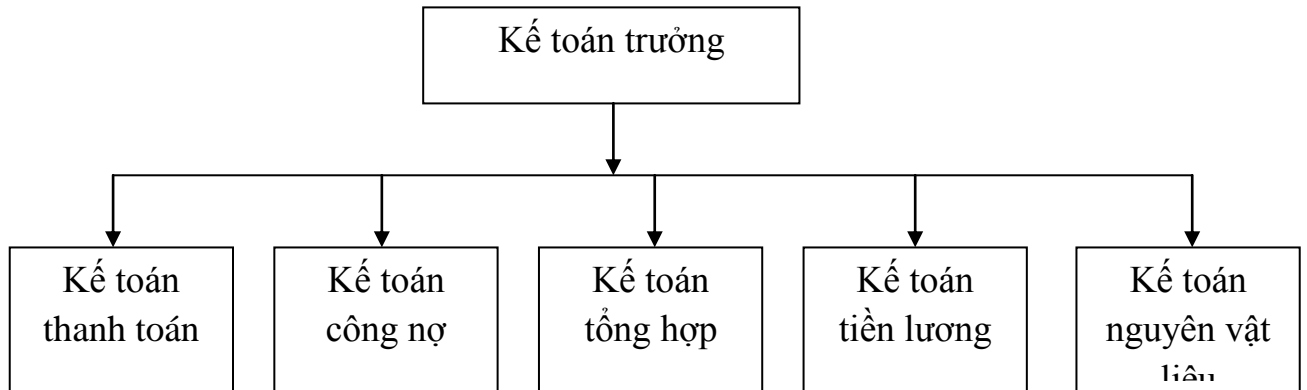
Bộ máy kế toán của công ty cổ phần DTC Việt Nam được tổ chức theo hình thức tập trung. Phòng kế toán của công ty vừa có nhiệm vụ xử lý chứng từ, ghi sổ kế toán, thực hiện các bút toán, nhập và xuất tiền, lập sổ kế toán chi tiết và lập báo cáo kế toán. Cùng với đó là việc thống nhất, kiểm tra bộ phận thống kê trong công ty về kế toán và tài chính

Đặc điểm bộ máy kế toán của Công ty Cổ Phần DTC Việt nam

1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Để tổ chức bộ máy kế toán hợp lý, gọn nhẹ, có hiệu quả đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, công ty đã lựa chọn hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung. Hình thức này tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo công ty đối với hoạt động kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng.

Sơ đồ 2.5: Bộ máy kế toán tại Công ty CP DTC Việt Nam



Theo mô hình trên, chức năng, nhiệm vụ của từng người như sau:

Bộ máy kế toán của Công ty gồm 6 người: 1 kế toán trưởng và 5 kế toán viên.

- Kế toán trưởng: chịu trách nhiệm chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra mọi hoạt động của bộ máy kế toán tại Công ty, Đứng đầu bộ máy kế toán là kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp và kế toán tiền lương: có chức năng giám sát mọi hoạt động chung của phòng kế toán. Theo dõi tình hình thanh toán lương, phụ cấp, trợ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ với các cán bộ công nhân trong toàn công ty. Cuối kỳ tập hợp các khoản mục chi phí, xác định kết quả kinh doanh, tổng hợp số liệu báo cáo tài chính, tư vấn lên giám đốc cho hoạt động trong tương lai của công ty.

.- Kế toán tổng hợp: có nhiệm vụ theo dõi tình hình biến động về tài sản cố định luân chuyển trong Công ty, tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định. Các tài khoản kế toán sử dụng TK 211, TK 214

- Kế toán tiền lương: có nhiệm vụ tính toán tiền lương trả cho người lao động, tính và theo dõi Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Kinh phí công đoàn theo qui định.

- Kế toán thanh khoản: Có nhiệm vụ theo dõi việc thu chi tiền mặt, kiểm soát các chứng từ vào quỹ hợp lệ, ghi sổ quỹ tiền mặt..

- Kế toán công nợ: có nhiệm vụ theo dõi tình hình bán hàng, tiêu thụ hàng hóa, đối chiếu lượng hàng hóa mua vào và bán ra , xác nhận các khoản nợ công ty

2.2.1. Kế toán tiền mặt tại quỹ tại công ty CP DTC Việt Nam

2.2.1.1. Tài khoản sử dụng

- Để hạch toán tiền mặt kế toán sử dụng tài khoản 111-“Tiền mặt”. Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thu chi tồn quỹ tiền mặt của công ty, bao gồm 2 tài khoản cấp 2 là:
 - Tài khoản 1111: Tiền Việt Nam
 - Tài khoản 1112: Tiền ngoại tệ

2.2.1.2. Chứng từ sử dụng

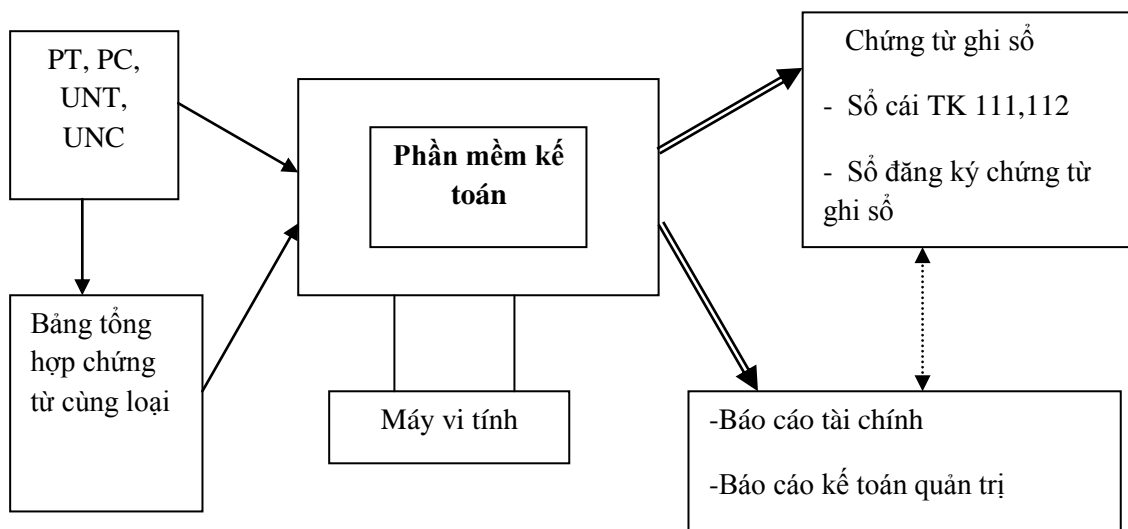
- Phiếu thu
- Phiếu chi
- Chứng từ ghi sổ

2.2.1.3. Sổ sách kế toán sử dụng để hạch toán tiền mặt tại quỹ

- Sổ quỹ tiền mặt
- Sổ cái 111
- Chứng từ ghi sổ

2.2.1.4. Trình tự ghi sổ hạch toán kế toán tiền mặt tại quỹ

Sơ đồ 2.6: Quy trình ghi sổ kế toán vốn bằng tiền tại Công ty CP DTC Việt Nam



Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- ==> : Ghi cuối tháng
- ←-.-> : Đối chiếu, kiểm tra

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT-3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			QH/2010B		
Liên 2: Giao khách hàng			0071137		
Ngày 2 tháng 12 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TM & DV THĂNG THẢO					
Địa chỉ: 93 Hùng Duệ Vương - Thượng Lý - Hồng Bàng - HP					
Số tài khoản:					
Điện thoại:MS:					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty CP DTC Việt Nam					
Địa chỉ: số 3 – Núi Đèo – Thủy Nguyên - HP					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán:TM.....MS: 0 2 0 0 1 3 8 3 1 9					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
	Bàn ghế văn phòng	Bộ	2	2.000.000	4.000.000
Cộng tiền hàng:					4.000.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					400.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					4.400.000
Số tiền viết bằng chữ: Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Đơn vị: CP DTC VIỆT NAM

Mẫu số 05 - TT

Địa chỉ: số 3 – Núi Đèo – Thủy Nguyên _ HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày...01...tháng...12...năm...2010...

Kính gửi: Giám đốc Công ty

Họ và tên người đề nghị thanh toán: Phạm Thúy An

Nội dung thanh toán: mua bàn ghế văn phòng

Số tiền: **4.400.000 đ**

Viết bằng chữ: Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn.

(kèm theo.....01.....chứng từ gốc).

Người đề nghị thanh toán

Kế toán trưởng

Người duyệt

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu 2.8 Giấy đề nghị thanh toán

CÔNG TY CP DTC VIỆT NAM

Mẫu số 02 - TT

số 3 – Núi Đèo – Thủy Nguyên _ HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-

MS thuế: 0200138319

BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng

Fax: 0313211701

BTC

PHIẾU CHI

Ngày 01/12/2010

Quyển số:.....

Số CT PC 696

Tk nợ 1331 400.000

6422 4.000.000

Tk có 1111 4.400.000

Người nhận tiền: Phạm Thúy An

Địa chỉ: Công ty

Lý do: Trả tiền mua bàn ghế văn phòng

Số tiền: **4.400.000 đ**

Bằng chữ: Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo:.....01.....chứng từ gốc.

Ngày...tháng...năm...

Giám đốc

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người lập phiếu

Người nhận tiền

(Ký tên, đóng dấu)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Biểu 2.9 Phiếu chi

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT-3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		QH/2010B			
Liên 2: Giao khách hàng		0071136			
Ngày 2 tháng 12 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TM & DV THĂNG THẢO					
Địa chỉ: 93 Hùng Duệ Vương - Thượng Lý - Hồng Bàng - HP					
Số tài khoản:					
Điện thoại:MS:					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty CP DTC Việt Nam					
Địa chỉ: số 3 – Núi Đèo – Thủy Nguyên - HP					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán:TM.....MS: 0 2 0 0 1 3 8 3 1 9					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
	đèn trang trí	Chiếc	10	436.364	43.636
Cộng tiền hàng:					4.363.636
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					436.364
Tổng cộng tiền thanh toán:					4.800.000
Số tiền viết bằng chữ: Bốn triệu tám trăm nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Biểu 2.10 Hóa đơn GTGT

Đơn vị: **CÔNG TY CP DTC VIỆT NAM**

Mẫu số 05 - TT

Địa chỉ: số 3 – Núi Đèo – Thủy Nguyên - HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày...02...tháng...12...năm...2010...

Kính gửi: Giám đốc Công ty

Họ và tên người đề nghị thanh toán: Lê Minh Thái

Nội dung thanh toán: Thanh toán tiền mua đèn trang trí

Số tiền: **4.800.000đ**

Viết bằng chữ: Bốn triệu tám trăm nghìn đồng chẵn.

(kèm theo.....01.....chứng từ gốc).

Người đề nghị thanh toán

Kế toán trưởng

Người duyệt

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu 2.11 Giấy đề nghị thanh toán

CÔNG TY CP DTC VIỆT NAM

Mẫu số 02 - TT

Số 3 – Núi Đèo – Thủy Nguyên - HP

Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ

MS thuế: 0200138319

BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng

Fax: 0313211701

BTC

PHIẾU CHI

Ngày 02/12/2010

Quyển số:.....

Số CT PC 698

Tk nợ 1331 436.364

6422 4.363.636

Tk có 1111 4.800.000

Người nhận tiền: Lê Minh Thái

Địa chỉ: Công ty

Lý do: Trả tiền mua đèn trang trí

Số tiền: **4.800.000đ**

Bằng chữ: Bốn triệu tám trăm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo:.....01.....chứng từ gốc.

Ngày...tháng...năm...

Giám đốc

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người lập phiếu

Người nhận tiền

(Ký tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu 2.12 Phiếu chi

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT-3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			MY/2010B		
Liên 3: Nội bộ			0046882		
Ngày 1 tháng 12 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CP DTC VIỆT NAM					
Số 3 – Núi Đèo – Thủy Nguyên – HP					
Số tài khoản: 2110211000075 NH Thủy Nguyên					
Điện thoại:.....MS:					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Lê Du					
Địa chỉ: 907 Hùng Vương - Hồng Bàng - HP					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán:.....TM.....MS: 0 2 0 0 6 5 9 9 5 3					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
	Quạt trần	Cái	1	3.000.000	3.000.000
Cộng tiền hàng:					3.000.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		300.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					3.300.000
Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu ba trăm nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Biểu 2.16 Hóa đơn GTGT

CÔNG TY CP DTC VIỆT NAM

Số 3 – Núi Đèo – Thủy Nguyên – HP

MS thuế: 0200138319

Fax: 0313211701

Mẫu số 01 - TT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-

BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng

BTC

PHIẾU THU

Ngày 01/12/2010

Quyển số:.....

Số CT PT 447

Tk nợ1111:3.300.000

Tk có5111:3.000.000

3331:300.000

Người nộp tiền: Lê Minh Thái

Địa chỉ: Công ty

Lý do: Thu tiền bán gạch trần

Số tiền: **3.300.000đ**

Bằng chữ: Ba triệu ba trăm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo:.....02.....chứng từ gốc.

Ngày...tháng...năm...

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu 2.17 Phiếu thu

VD2: Ngày 11/12 ông Lê Minh Thái thu tiền bán gạch đá hoa cho khách lẻ với tổng số tiền là: 80.000.000 đ

Kế toán định khoản:	Nợ TK 111	20.000.000
	Nợ TK 112	60.000.000
	Có TK 131	80.000.000

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0040581 (Biểu 2.18) ông Lê Minh Thái chuyển lên phòng kế toán, kế toán sau khi xem xét chứng từ hợp lệ đã lập phiếu thu số 462 (Biểu 2.19).

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT-3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		QV/2010B			
Liên 3: Nội bộ		0040581			
Ngày 14 tháng 12 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CP DTC VIỆT NAM					
Địa chỉ: Số 3 – Núi Đèo – TN – HP					
Số tài khoản: 2110211000075 NH Thủy Nguyên					
Điện thoại:.....MS:					
Họ tên người mua hàng: Bùi Doãn Hòa					
Tên đơn vị:					
Địa chỉ: Xóm 7 - Minh Tân - Thủy Nguyên - Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán:.....CK + TM.....MS:					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Gạch đá hoa	thùng	100	727.273	72.727.273
Cộng tiền hàng:				72.727.273	
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:				7.272.727	
Tổng cộng tiền thanh toán:				80.000.000	
Số tiền viết bằng chữ: Tám mươi triệu đồng chẵn.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

CÔNG TY CP DTC VIỆT NAM

Số 3 – Núi Đèo – TN - HP

MS thuế: 0200138319

Fax: 0313211701

Mẫu số 01 - TT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-

BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng

BTC

PHIẾU THU

Ngày 01/12/2010

Quyển số:.....

Số CT PT 462

Tk nợ 1111: 20.000.000

Tk có 131 : 20.000.000

Người nộp tiền: Lê Minh Thái

Địa chỉ: Công ty

Lý do: Thu tiền bán gạch đá hoa

Số tiền: **20.000.000 đ**

Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng chẵn.

Kèm theo:.....chứng từ gốc.

Ngày...tháng...năm...

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu 2.19 Phiếu thu

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT và các chứng từ liên quan, kế toán lập Sổ quỹ tiền mặt (Biểu 2.20), Bảng tổng hợp chứng từ gốc (Biểu 2.21, Biểu 2.22). Từ các chứng từ gốc và bảng tổng hợp chứng từ gốc, kế toán lập Chứng từ ghi sổ (Biểu 2.23, Biểu 2.24). Cuối tháng kế toán tổng hợp vào Sổ cái TK 111 (Biểu 2.25).

CÔNG TY CỔ PHẦN DTC VIỆT NAM

Mẫu số S06-DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Từ ngày: 01/12/2010 đến ngày:31/12/2010

Tài khoản 1111: Tiền mặt Công ty

Ngày	Số CT		Diễn giải	Số tiền		
	PT	PC		Thu	Chi	Tồn quỹ
			Dư nợ đầu kỳ			431.500.000
1/12/10	PT 447		Thu tiền bán quạt trần(Lê Minh Thái)	3.300.000		
			Thuế GTGT đầu ra(Lê Minh Thái)			858.600.000
					
1/12/10		PC696	Trả tiền mua bàn ghế văn phòng(Phạm Thúy An)			
			Thuế GTGT được khấu trừ(Phạm Thúy An)		4.400.000	882.400.000
					
2/12/10		PC 698	Trả tiền mua đèn trang trí(Lê Minh Thái)			
			Thuế GTGT được khấu trừ(Lê Minh Thái)		4.800.000	902.125.000
					
11/12/10	PT 462		Thu tiền bán gạch đá hoa (Lê Minh Thái)	20.000.000		928.125.000
					
			Tổng phát sinh	545.232.000	368.456.277	
			Dư nợ cuối kỳ			608.275.723

Ngày ...tháng...năm....

Biểu 2.20 Sổ quỹ tiền mặt

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ GỐC**Ghi nợ TK 111**

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK 111, có các TK khác				Tổng Nợ TK 111
	SH	NT		511	333	131		
1/12/10	PT 447	1/12/10	Thu tiền bán quạt trần		3.000.000	300.000			3.300.000
			...						
11/12/10	PT 462	11/12/10	Thu tiền bán gạch đá hoa				20.000.000		20.000.000
			...						
14/12/10	PT 466	14/12/10	Thu tiền bán gạch đá hoa				60.000.000		60.000.000
		
			Cộng		214.305.000	21.430.500	288.622.000	545.232.000

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ GỐC

Ghi có TK 111

Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK 111, nợ các TK khác					Tổng Có TK 111
SH	NT		154	642	1331	241	
							
PC 696	1/12/10	Trả tiền mua bàn ghế			4.000.000	400.000		4.400.000
		...						
PC 698	2/12/10	Trả tiền mua đèn trang trí			4.363.636	436.364		4.800.000
	
		Cộng	26.230.500	12.525.000	13.181.555	38.878.757	368.456.277

Biểu 2.17 : Bảng tổng hợp chứng từ gốc

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 01/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

STT	Trích yếu	Tk đối ứng		Số tiền
		Nợ	Có	
	Tổng hợp thu tiền mặt			
1	Thu tiền bán quạt trần.....	111	511	214.305.000
2	Thuế GTGT phải nộp	111	333	21.430.500
3	Thu tiền bán gạch đá hoa....	111	131	288.622.000

	Cộng			545.232.000

Biểu 2.23 Chứng từ ghi sổ

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 02/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

STT	Trích yếu	Tk đối ứng		Số tiền
		Nợ	Có	
	Tổng hợp chi tiền mặt			
1	Trả tiền mua bàn ghế...	154	111	26.230.500
2	Thuế GTGT được khấu trừ	133	111	13.181.555
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	642	111	12.525.000
4	Tiền gửi ngân hàng	112	111	62.000.000
...
	Cộng			68.456.277

Biểu 2.24 Chứng từ ghi sổ

CTY CP DTC VIỆT NAM

Mẫu số S03b- DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của BTC)

MST :

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 1111

Tên tài khoản : Tiền Việt Nam

Từ ngày 01 / 12 - 31/12/2010

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>		<u>431.500.000</u>	-
...
01/12	31/12	Thu tiền bán quạt trần.....	511	214.305.000	
01/12	31/12	Thuế GTGT phải nộp	333	21.430.500	
01/12	31/12	Thu tiền bán gạch đá hoa....	131	288.622.000	
...
02/12	31/12	Trả tiền mua bàn ghế...	154		26.230.500
02/12	31/12	Thuế GTGT được khấu trừ	133		13.181.555
...
		Cộng số phát sinh		545.232.000	368.456.277
		<u>Số dư cuối kỳ</u>		<u>608.275.723</u>	

Ngày tháng năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu 2.25 Sổ cái TK 111

(Biểu 2.28).

Theo công văn số 21208/CT/AC

Cục thuế Hà Nội

TECHCOMBANK

PHIẾU BÁO CỐ

Trang 1/1

Số: 352

Ngày 08 tháng 12 năm 2010

Kính gửi :CONG TY CP DTC Việt Nam

Số tài khoản: **109.20158115.06.0**

Địa chỉ: số 3 –Núi Đèo- Thủy nguyên - HP

Loại tiền: **VND**

Mã số thuế: 0200138319

Loại tài khoản: TIEN GUI VON CHUYEN DUNG

Số ID khách hàng: 20158116

Số bút toán hạch toán: TT1034200448

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Transfer Credit	40.000.000
Tổng số tiền	40.000.000

Số tiền bằng chữ: **Bốn mươi triệu VND chẵn.**

Trích yếu: NGUYEN BA LONG NT VAO TK

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

Biểu 2.26 Phiếu báo Có

TECHCOMBANK

Số:031/2010

Trang 1/1

SỔ PHỤ KHÁCH HÀNG

Ngày 08 tháng 12 năm 2010

Số tài khoản: 109.20158115.05.0

Loại tài khoản: TIEN GUI VON CHIEM DUNG

Loại tiền: **VND**

Khách hàng: CONG TY CP DTC VIỆT NAM

Số ID khách hàng: 20158115

Ngày giao dịch	Diễn giải	Số bút toán	Nợ	Có
	Số dư đầu ngày			0.00
8/12/10	NGUYEN BA LONG NT VAO TK	TT1034200447		40,000,000.00
8/12/10	Thu no lai (PD-PE) Số khế ước	PDL0928100099;34	20,357.00	
8/12/10	Thu no goc (PD-PE) Số khế ước 89	PDL0928100099;34	22,222,222.00	
		PDL0928100099;34	6,249,779.00	
	Số dư cuối ngày			11,507,642.00
	Doanh số ngày		28,592,358.00	40,000,000.00
	Doanh số tháng		29,307,838.00	40,000,000.00
	Doanh số năm		363,991,432.00	363,848,186.00

Kế toán

Kiểm soát

Biểu 2.27 Sổ phụ khách hàng

CÔNG TY CP DTC VIỆT NAM

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Từ ngày: 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

Tài khoản 1121 CDTB - Tiền gửi chuyên dụng ngân hàng Techcombank

Số tài khoản: 109 2015 8115 050 - Địa chỉ:

Điện thoại: - Email:

SỐ CT			DIỄN GIẢI	SỐ TIỀN		SỐ DƯ
NGÀY	GỬI	RÚT		GỬI	RÚT	
			Dư nợ đầu ngày			1.815.480
...
7/12/10		BN346	Trả gốc vay ngân hàng		815.480	
8/12/10	BC 352		Nộp tiền vào tài khoản (Nguyễn Bá Long)	40.000.000		35.000.000
8/12/10		BN347	Trả lãi vay ngân hàng Trả gốc vay ngân hàng		23.222.222	1.607.642
31/12/10	BC 353		Lãi tiền gửi	2.738		1.610.380
31/12/10		BN348	Phí số dư tối thiểu Thuế GTGT được khấu trừ		33.000	1.577.380
31/12/10		BN349	Phí quản lý tài khoản Thuế GTGT được khấu trừ		22.000	1.555.380
			Tổng phát sinh	30.002.738	29.362.838	
			Dư nợ cuối ngày			1.555.380

Ngày...tháng...năm...

KẾ TOÁN NGÂN HÀNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Biểu 2.28 Sổ tiền gửi ngân hàng

VD2: Ngày 30/12 Nguyễn Văn Long của Công ty Phúc Thịnh trả tiền mua thép của Công ty với số tiền là 59.000.000 đ.

Kế toán định khoản : Nợ TK 112 59.000.000

Có TK 131 59.000.000

Sau khi nhận được Lệnh thanh toán (Biểu 2.29) và Báo có của ngân hàng (Biểu 2.30), kế toán làm căn cứ để lập Sổ tiền gửi ngân hàng và Sổ phụ khách hàng.

LỆNH THANH TOÁN

LỆNH CÓ

Số 338

Số tham chiếu: 372OTT101003298

Loại chuyển tiền: KO

Ngày lập lệnh: 30/12/2010

Ngân hàng gửi lệnh: **IKO3702**

NH No&PTNT Thủy Nguyên- TP Hải Phòng

Ngân hàng nhận lệnh: **IKO2110**

Người phát lệnh: Nguyễn Văn Long

Địa chỉ/CMND: 183090684#

Tài khoản: 3702205023509 Tại: IKO03702 NHNo&PTNT Thủy Nguyên- TP Hải Phòng

Người nhận lệnh: CTY CP DTC Việt Nam

Địa chỉ/CMND:

Tài khoản: 2110211000075 Tại: IKO2110 CN H. Thủy Nguyên- TP Hải Phòng

Số tiền	59,000,000 VND
Năm mươi chín triệu đồng chẵn	

Nội dung: Chuyển tiền bán thép tấm

Thời gian chuyển tiền: 31/12/2010 08:44:40 Ngày nhận: 30/12/2010 08:49/43

Ngày in: 31/12/2010 7:52:06

Thanh toán viên

Kiểm soát

Biểu 2.29 Lệnh thanh toán

Theo công văn số 21208/CT/AC

NÔNG NGHIỆP & PTNT Thủy Nguyên

Cục thuế Hà Nội

PHIẾU BÁO CỐ

Trang 1/1

Số: 482

Ngày 30 tháng 12 năm 2010

Kính gửi : CONG TY CP DTC VIỆT NAM

Số tài khoản: **211 0211 000075**

Địa chỉ: SỐ 3 Núi Đèo- Thủy Nguyên- HP

Loại tiền: **VND**

Mã số thuế: 0200138319

Loại tài khoản: TIEN GUI VON CHUYEN DUNG

Số ID khách hàng: 20158115

Số bút toán hạch toán: TT1034200447

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Transfer Credit	59.000.000
Tổng số tiền	59.000.000

Số tiền bằng chữ: **Năm mươi chín triệu VND chẵn.**

Trích yếu: NGUYEN VAN LONG TRA TIEN MUA THEP VAO TK

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

Biểu 2.30 Phiếu báo Cố

**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM**
Chi nhánh H. Thủy Nguyên - TP Hải Phòng
Mã số thuế của CN: 02001164740071

CHỨNG TỪ GIAO DỊCH

Liên 2: Trả khách hàng

Số seri: 211010L000000068

Tên khách hàng (Customer Name) Cty CP DTC Việt Nam (013642900) Địa chỉ: Số 3 – Núi Đèo- Thủy Nguyên- HP Mã số thuế của KH: 0200138319	Ngày giao dịch (Date) 1/12/2010
---	---

Thông báo với quý khách hàng (This is to certify that)

Chúng tôi đã ghi nợ vào TK của quý khách hoặc nhận bằng tiền mặt số tiền sau.

(We have debited the following amount from your account/or received by cash)

Chúng tôi đã ghi có vào TK của quý khách hoặc đã trả bằng tiền mặt số tiền sau.

(We have credited the following amount to your account/or paid by cash)

Diễn giải (Description)	Chuyển tiền ra ngoài		
Số TK (A/C No)	2110211000075	Số GD (Ref)	2110OTT101009159

Chi tiết (Item)	Số tiền (Amount)			Diễn giải (Remark)
Chuyển tiền ra ngoài	C	VND	18.000.000	
CT khác hệ thống (ST<500T1)	C	VND	95.818	Rate(%): 02000000
VAT	C	VND	9.582	
Customer a/c	D	VND	18.105.400	Cty CP DTC Việt Nam

Lập lệnh: Cty CP DTC Việt Nam Người hưởng: Cty CP TM Đức Hoa (a/c 002100000908) Mã số người hưởng: Ngân hàng thanh toán: 01203001 (Hoi So NH NT Viet Nam) Nội dung: Chuyển trả tiền mua hàng

Người in: Nguyễn Hải Ninh

Trang 1/1

Ngày in: 02/12/2010

Giờ in: 1:06:11

TEL: 1

Khách hàng	Giao dịch viên	Kiểm soát	Giám đốc

Biểu 2.32 Chứng từ giao dịch

VD2: Ngày 1/12 Công ty trả tiền mua hàng của Công ty TNHH Tiến Đạt với số tiền là 49.108.400 đ.

Kế toán định khoản: Nợ TK 331	49.064.400	
	Nợ TK 6422	40.000
	Nợ TK 1331	4.000
	Có TK 112	49.108.400

Căn cứ vào Ủy nhiệm chi (Biểu 2.33) và Chứng từ giao dịch (Biểu 2.34), kế toán làm căn cứ để lập Sổ tiền gửi ngân hàng và Sổ phụ khách hàng.

ỦY NHIỆM CHI

SỐ...335.....

PHẦN DO NH GHI

TÀI KHOẢN NỢ

CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN THU, ĐIỆN Lập ngày 01/12/2010

Tên đơn vị trả tiền: CÔNG TY CP DTC VIỆT NAM

Số tài khoản: 211 0211 000075

Tại ngân hàng: **No & PTNT Thủy Nguyên - Hải Phòng**

Tên đơn vị nhận tiền: CÔNG TY TNHH Tiến Đạt

Số tài khoản: **0021001000908**

Tại ngân hàng: **Ngân hàng NN PT NT Việt Nam**

Số tiền bằng chữ: Bốn mươi chín triệu một trăm linh tám nghìn bốn trăm đồng

Nội dung thanh toán: Chuyển trả tiền mua hàng.

TÀI KHOẢN CÓ

SỐ TIỀN BẰNG SỐ
49.108.400

Đơn vị trả tiền		Ngân hàng A	Ngân hàng B
Kế toán	Chủ tài khoản	Ghi sổ ngày 01/12/2010	Ghi sổ ngày.....
		Kế toán	Kế toán
		Trưởng phòng kế toán	Trưởng phòng

Biểu 2.33 Ủy nhiệm chi

**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM**
Chi nhánh H. Thủy Nguyên - TP Hải Phòng
Mã số thuế của CN: 02001164740071

CHỨNG TỪ GIAO DỊCH

Liên 2: Trả khách hàng

Số seri: 211010L000000068

Tên khách hàng (<i>Customer Name</i>) Cty CP DTC Việt Nam (013642900) Địa chỉ: Số 3- Núi Đèo – Thủy Nguyên- HP Mã số thuế của KH: 0200138319	Ngày giao dịch (<i>Date</i>) <p style="text-align: center;">1/12/2010</p>
--	---

Thông báo với quý khách hàng (*This is to certify that*)

Chúng tôi đã ghi nợ vào TK của quý khách hoặc nhận bằng tiền mặt số tiền sau.

(*We have debited the following amount from your account/or received by cash*)

Chúng tôi đã ghi có vào TK của quý khách hoặc đã trả bằng tiền mặt số tiền sau.

(*We have credited the following amount to your account/or paid by cash*)

Diễn giải (<i>Description</i>)	Chuyển tiền ra ngoài		
SỐ TK (<i>A/C No</i>)	2110211000075	SỐ GD (<i>Ref</i>)	2110OTT101009159

Chi tiết (<i>Item</i>)	Số tiền (<i>Amount</i>)			Diễn giải (<i>Remark</i>)
Chuyển tiền ra ngoài	C	VND	49.064.400	
CT khác hệ thống (ST<500T1)	C	VND	40,000	Rate(%): 02000000
VAT	C	VND	4,000	
Customer a/c	D	VND	49.108.400	Cty CP DTC Việt Nam

Lập lệnh: Cty CP DTC Việt Nam

Người hưởng: Cty TNHH Tiến Đạt (a/c 002100000908)

Mã số người hưởng:

Ngân hàng thanh toán: 01203001 (Hoi So NH NT Viet Nam)

Nội dung: (Chuyển trả tiền mua hàng (nhận tại CN Đình Vũ))

Người in: Nguyễn Hải Ninh

Trang 1/1

Ngày in: 01/12/2010

Giờ in: 11:06:11

TEL: 1

FAX :1

Khách hàng	Giao dịch viên	Kiểm soát	Giám đốc

Biểu 2.34 Chứng từ giao dịch

Căn cứ vào các chứng từ gốc, kế toán lập Sổ tiền gửi ngân hàng (Biểu 2.35) và Sổ phụ khách hàng (Biểu 2.36), Bảng tổng hợp chứng từ gốc (Biểu 2.37, Biểu 2.38). Từ chứng từ gốc và Bảng tổng hợp chứng từ gốc kế toán lập Chứng từ ghi sổ (Biểu 2.39, Biểu 2.40), Sổ chi tiết TK 112 (Biểu 2.41). Cuối tháng kế toán tổng hợp vào Sổ cái TK 112 (Biểu 2.42).

CÔNG TY CP DTC VIỆT NAM

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Từ ngày: 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

Tài khoản 1121 NN - Tiền gửi Ngân hàng Nông nghiệp Thủy Nguyên

Số tài khoản: 211 0211 000075 - Địa chỉ:

Điện thoại: - Email:

SỐ CT			DIỄN GIẢI	SỐ TIỀN		SỐ DƯ
NGÀY	GỬI	RÚT		GỬI	RÚT	
			Dư nợ đầu ngày			422.135.810
1/12/10	BC415		Cty Thành Đạt trả tiền mua thép	50.000.000		472.135.810
1/12/10	BC416		Cty Hậu Sơn trả tiền mua thép	20.000.000		492.135.810
					
1/12/10		BN322	Trả tiền mua hàng Thành Đức(Cty CP TM Đức Hoa) Phí chuyển tiền Thuế GTGT được khấu trừ		18.505.000	106.000.010
1/12/10		BN323	Trả tiền mua hàng Tiến Đạt(Cty TNHH Tiến Đạt) Phí chuyển tiền Thuế GTGT được khấu trừ		49.130.400	56.869.610
					
30/12/10	BC482		Cty Phúc Thịnh trả tiền mua thép (Nguyễn Văn Long)	59.000.000		32.510.100
					
			Tổng phát sinh	200.961.500	300.154.100	
			Dư nợ cuối ngày			<u>322.907.210</u>

Ngày...tháng...năm...

KẾ TOÁN NGÂN HÀNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Biểu 2.35 Sổ tiền gửi ngân hàng

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn
Chi nhánh;CN H.Thủy Nguyên - TP Hải Phòng

Sổ phụ/Statement

Tên khách hàng (*Customer*)
Cty CP DTC Việt Nam

Địa chỉ (*Address*)
Số 3 – Núi Đèo – Thủy Nguyên - HP

Ngày in (*Print out date*): 29/12/2010
Loại tiền gửi (*DP kind*): Tiền gửi không kỳ hạn
Số tài khoản (*A/C No*): 2110211000075
Loại tiền (*Ccy*): VND
Tài khoản người sở hữu (*Joint A/C*): N
Tình trạng tài khoản (*A/C status*): Active
Doanh số tháng (*Monthly less debit*): 488,532,653
Doanh số tháng (*Monthly plus credit*): 25,887,500
Doanh số năm (*Annual less debit*): 4,440,077,022
Doanh số năm (*Annual plus debit*): 4,429,144,911

Ngày phát sinh trước *Prior Statement*): 27/12/2010 52,525,209
Số dư cuối ngày (*Ending balance*): 28/12/2010 26,001,782
Số bút toán/Doanh số (*Less debit*) 18 32.510.100
Số bút toán/Doanh số (*Pluss debit*) 6 12,500,000

Ngày	Ngày giá trị	Ghi chú	Nợ	Có	Số dư	Số tham chiếu
28/12/2010	28/12/2010	Chuyển trả tiền mua thép	63,923,800	0	405,674,160	
28/12/2010	28/12/2010	Chuyển trả tiền mua hàng (nhận tại CN Đình Vũ)	22,348,000	0	403,326,160	
28/12/2010	28/12/2010	Trả tiền mua hàng	21,632,600	0	401,693,560	

Biểu 2.36 Sổ phụ

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ GỐC

Ghi nợ TK 112

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK 112, có các TK khác			Tổng Nợ TK 112
	SH	NT		111	131	
		
8/12/10	BC352	8/12/10	Nguyễn Bá Long vào TK	40.000.000			40.000.000
			...				
30/12/10	BC482	30/12/10	Cty Phuc Thịnh trả tiền mua thép			59.000.000	59.000.000
		
			Cộng	62.000.000	75.807.600	200.961.500

Biểu 2.32 Bảng tổng hợp chứng từ gốc

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ GỐC

Ghi có TK 112

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK 112, nợ các TK khác				Tổng Có TK 112
	SH	NT		331	642	1331	
		
1/12/10	BN322	1/12/10	Trả tiền mua hàng Đức Hoa	18.000.000		495.818	49.582	18.545.400
		
1/12/10	BN323	1/12/10	Trả tiền mua hàng Tiến Đạt	49.064.400		40.000	4.000	49.108.400
		
			Cộng	202.537.388	60.478.203	25.487.476	300.154.100

Biểu 2.33 Bảng tổng hợp chứng từ gốc

Căn cứ vào chứng từ số 02/12

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 04/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

STT	Trích yếu	Tk đối ứng		Số tiền
		Nợ	Có	
	Tổng hợp chi tiền gửi			
1	Trả tiền mua hàng	331	112	202.537.388
2	Thuế GTGT phải nộp	642	112	60.478.203
3	Thu tiền bán thép	133	112	25.487.476

	Cộng			300.145.100

Biểu 2.35 Chứng từ ghi sổ

CTY CP DTC VIỆT NAM

Mẫu số S03b- DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của BTC)

MST :

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 112

Tên tài khoản : Tiền Gửi Ngân Hàng

Từ ngày 01 / 01 đến 31/12/2010

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		422.135.810	-
02/12	31/12/10	Nộp chuyển tiền vào TK	111	62.000.000	
03/12	31/12/10	Thu tiền bán thép...	131	75.807.600	
.....
04/12	31/12/10	Trả tiền mua hàng	331		202.537.388
04/12	31/12/10	Thuế GTGT phải nộp	642		60.478.203
04/12	31/12/10	Thu tiền bán thép	133		25.487.476
.....
		Cộng số phát sinh		200.961.500	300.145.100
		Số dư cuối kỳ		322.907.210	

Ngày tháng năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu 2.42 Sổ cái TK 112

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CP DTC VIỆT NAM

3.1. Đánh giá chung về tổ chức hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại công ty CP DTC Việt Nam

3.1.1 Ưu điểm:

Sau một thời gian thực tập tại công ty em đã nhận thấy công tác tổ chức hạch toán kế toán có những ưu điểm sau:

Đội ngũ cán bộ kế toán

Hiện nay với yêu cầu nâng cao của công tác kế toán, lãnh đạo công ty đã thường xuyên chú trọng đến công tác đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ cho kế toán viên có trình độ đại học. Đó là điều kiện hết sức thuận lợi cùng với bộ máy kế toán gọn nhẹ đã cung cấp số liệu cụ thể, chi tiết, chính xác và tổng hợp một cách đầy đủ kịp thời nhằm thể hiện tốt nhất vai trò của kế toán nói chung và của kế toán vốn bằng tiền nói riêng.

Bộ máy kế toán

Căn cứ vào đặc điểm, lĩnh vực hoạt động, quy mô của Công ty thì giám đốc đã quyết định chỉ cần một kế toán viên là đủ để đáp ứng yêu cầu quản lí, điều hành công việc theo hình thức tập trung.

Kế toán viên có nhiệm vụ tổng hợp và hạch toán chi tiết, lập báo cáo tài chính, phân tích hoạt động kinh tế của Công ty. Kế toán viên là người chịu trách nhiệm trước giám đốc tổ chức thực hiện công tác kế toán trong Công ty.

Mặc dù một người đảm bảo nhiều phần việc nhưng vẫn luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, kiểm soát chặt chẽ mọi hoạt động kinh tế của doanh nghiệp, nhiều năm liền chưa để xảy ra sai phạm đáng kể trong kinh tế tài chính, hạch toán thống kê.

Công tác tài chính kế toán

Công tác tài chính kế toán tại công ty CP DTC Việt Nam luôn được duy trì và thực hiện tốt theo đúng quy định của bộ tài chính đã ban hành.

Hình thức sổ kế toán

Hình thức sổ kế toán mà công ty đang sử dụng là hình thức Chứng từ ghi sổ. Đây là hình thức phù hợp với hình thức kinh doanh của công ty.

Công tác kế toán vốn bằng tiền

Công tác kế toán vốn bằng tiền được tiến hành khá nề nếp theo một quy trình luân chuyển chứng từ chặt chẽ, các số liệu trên sổ sách có tính đối chiếu cao.

3.1.2 nhược điểm

•Về quy trình luân chuyển chứng từ

Mọi chứng từ đều được luân chuyển giữa phòng kinh doanh, phòng kế toán và thủ kho về cơ bản đều đúng trình tự. Tuy nhiên giữa các phòng ban không có biên bản giao nhận chứng từ nên khi xảy ra mất chứng từ không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý.

•Về việc quản lý quỹ tiền mặt

Hàng tháng, Công ty chưa tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt để xác định số tiền tồn quỹ thực tế và số thừa thiếu so với sổ quỹ, trên cơ sở đó có biện pháp tăng cường và quản lý quỹ, tìm ra nguyên nhân của sự chênh lệch đó, tránh được thất thoát về tiền, đưa ra những biện pháp quản lý quỹ tốt và đạt hiệu quả cao hơn.

• Về hệ thống sổ

- Công ty áp dụng hình thức chứng từ ghi sổ nhưng trong quá trình hạch toán công ty lại không lập Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Vì vậy mà việc quản lý Chứng từ ghi sổ và việc kiểm tra đối chiếu với Bảng cân đối số phát sinh sẽ gặp khó khăn hơn.

- Công ty sử dụng phương pháp hạch toán kế toán tập trung nên hàng ngày công ty theo dõi được chi tiết các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Tuy nhiên việc tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Sổ cái thì công ty lại tổng hợp theo tài khoản, do đó mà việc kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc sẽ bị mất thời gian.

3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty CP DTC Việt Nam

Ngày nay, kế toán không chỉ làm công việc tính toán ghi chép đơn thuần về tài sản và sự vận động của tài sản, mà nó còn là một bộ phận chủ yếu của hệ thống thông tin, là công cụ quản lý thiết yếu. Dựa trên những thông tin trung thực, chính xác nhà quản trị mới có thể đưa ra được những quyết định kinh doanh hữu hiệu nhất. Như vậy về mặt sử dụng thông tin, kế toán là một công cụ không thể thiếu trong công cụ quản lý kinh doanh có hiệu quả, giúp nhà quản lý đánh giá được các hoạt động của mọi tổ chức, mọi doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp, yếu tố thị trường và cơ chế quản lý có ảnh hưởng rất lớn đến tổ chức công tác kế toán, do vậy cần phải thấy được những đặc trưng của nền kinh tế thị trường và sự tác động của các nhân tố khác tới việc tổ chức công tác kế toán để tìm ra các biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán, đáp ứng được các yêu cầu của quản lý doanh nghiệp mà thực tiễn đã đặt ra. Muốn vậy, việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp nói chung và tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng cần tuân thủ các yêu cầu sau:

- Phải tuân thủ chế độ tài chính và chế độ kế toán hiện hành.

Hoạt động trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp phải chịu sự quản lý, điều hành và kiểm soát của Nhà nước bằng pháp luật và các biện pháp hành chính, các công cụ quản lý kinh tế. Chính vì vậy, các biện pháp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán phải dựa trên chế độ quản lý không chỉ trong phạm vi doanh nghiệp mà của cả Nhà nước đối với các doanh nghiệp trong nền kinh tế quốc dân. Việc tuân thủ chế độ kế toán hiện hành thể hiện từ việc tuân thủ tài khoản sử dụng, phương pháp và trình tự kế toán đến việc sử dụng hệ thống sổ kế toán, lập báo cáo.

- Phải phù hợp với đặc điểm kinh doanh của Công ty.

Nền kinh tế nước ta hiện nay là nền kinh tế nhiều thành phần, mỗi doanh nghiệp có những đặc điểm sản xuất kinh doanh cũng như yêu cầu quản lý riêng. Nhà nước ban hành các chính sách, các quy định chung cho tất cả các doanh

ng nghiệp chỉ mang tính chất định hướng, hướng dẫn cho các doanh nghiệp, các doanh nghiệp phải biết vận dụng một cách linh hoạt, phù hợp, cũng cần đảm bảo sự thống nhất về phương pháp đánh giá, về việc sử dụng chứng từ, tài khoản cũng như hệ thống sổ sách báo cáo.

- Phải đáp ứng việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác.

Đây là yêu cầu không thể thiếu được trong tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán vốn bằng tiền nói riêng. Kế toán là khoa học thu nhận, xử lý thông tin phục vụ cho yêu cầu quản lý của các nhà quản trị doanh nghiệp. Do vậy hoàn thiện công tác kế toán phải đáp ứng ược yêu cầu đối với thông tin là phải kịp thời, chính xác, phù hợp, giúp việc ra quyết định đạt kết quả tối ưu.

- Tổ chức công tác kế toán phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả.

Mục đích hoạt động của các doanh nghiệp là tối đa hóa lợi nhuận. Để đạt được mục tiêu này, cùng với việc không ngừng tăng doanh thu các doanh nghiệp cần phải có các biện pháp hữu hiệu hạ thấp chi phí có thể được, đây là một yêu cầu tất yếu đặt ra với các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

Qua thời gian thực tập tại Công ty CP DTC Việt Nam, căn cứ vào những tồn tại và khó khăn hiện nay trong công tác tổ chức kế toán của Công ty, căn cứ vào quy định của Nhà nước và Bộ tài chính. Đồng thời với sự giúp đỡ nhiệt tình của giáo viên hướng dẫn và phòng kế toán công ty, kết hợp với lý luận đã học tại trường, em xin đề xuất một số ý kiến sau đây hy vọng sẽ góp phần hoàn thiện hơn tổ chức công tác kế toán và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền tại Công ty.

3.2.1 Hoàn thiện tăng cường kiểm kê quỹ tiền mặt.

Về việc quản lý, kiểm kê quỹ tiền mặt: Việc quản lý tiền tệ có tầm quan trọng và cần thiết đối với mỗi doanh nghiệp. Do vậy phải tiến hành việc kiểm kê cho từng loại tiền trong quỹ doanh nghiệp để biết số tiền thực tế có trong quỹ và số tiền ghi sổ tại thời điểm kiểm kê quỹ. Việc kiểm kê nên được tiến hành định kỳ vào cuối tháng, cuối quý, hoặc cũng có thể khi cần thiết có thể kiểm kê đột xuất hoặc khi bàn giao quỹ. Khi tiến hành kiểm kê phải lập bảng kiểm kê trong đó thủ quỹ và kế toán thanh toán, kế toán trưởng là các thành viên. Bảng kiểm kê phải ghi

rõ số hiệu chứng từ và thời điểm kê (...giờ...ngày...). Trước khi kiểm kê quỹ thủ quỹ phải ghi sổ quỹ tất cả các phiếu thu, phiếu chi và số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê.

Việc quản lý quỹ tiền tệ có tác dụng giúp cho ban giám đốc nắm bắt được số tiền tồn quỹ thực tế, số tiền thừa thiếu so với sổ quỹ tại thời điểm kiểm kê. Từ đó có biện pháp tốt hơn trong việc quản lý tăng cường quản lý quỹ nếu thừa hay thiếu số tiền thực tế trong quỹ làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ chênh lệch để kế toán viên rút kinh nghiệm.

Đơn vị:.....

Mẫu số 08a - TT

Bộ phận:.....

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ

(Dùng cho VNĐ)

Số:.....

Hôm nay, vào.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

Chúng tôi gồm:

-Ông/Bà:.....đại diện kế toán.....

-Ông/Bà:.....đại diện thủ quỹ.....

-Ông/Bà.....đại diện.....

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng (tờ)	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ:	x
II	Số kiểm kê thực tế:	x
1	Trong đó: - Loại
2	-Loại
3	-Loại
4	-Loại
5	-Loại
III	Chênh lệch (III = I -II)	x

-Lý do:

+ Thừa:.....

+ Thiếu:.....

- Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:.....

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ

(Ký, họ tên)

Biểu 3.1 Bảng kiểm kê quỹ

3.2.2 Hoàn thiện nhân sự

Công ty cần bồi dưỡng thêm kiến thức cần thiết cho cán bộ công nhân viên để đáp ứng được những yêu cầu trong hiện tại.

-Bên cạnh đó nên tổ chức lớp đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ kế toán của Công ty. Để kế toán của công ty cập nhật và áp dụng những chế độ kế toán mới vào công ty sao cho phù hợp và hiệu quả.

-Trong một thời gian có sự thay đổi nhiệm vụ các nhân viên kế toán cho nhau để có thể làm bổ sung kinh nghiệm của nhau trong trường hợp một nhân viên nghỉ và lý do đột xuất các nhân viên khác có thể làm thay thế không gặp trở ngại gì.

-Tách rời sự kiêm nhiệm của kế toán tiền gửi và thủ quỹ. Phân công nhiệm vụ rõ ràng, tránh chồng chéo công việc. Điều này cũng giúp cho kế toán tổng hợp của Công ty không phải kiêm nhiệm quá nhiều công việc.

Tổ chức lại hệ thống kế toán để phân công phân nhiệm công việc phù hợp với sự thay đổi.

3.2.3 Hoàn thiện về nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền.

-Dự phòng phải thu khó đòi làm giảm giá trị tổn thất của các khoản phải thu có thể không đòi được trong năm kế hoạch. Khoản dự phòng đó được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm báo cáo giúp cho doanh nghiệp có nguồn tài chính bù đắp các khoản tổn thất có thể xảy ra trong năm kế hoạch nhằm bảo toàn vốn kinh doanh đảm bảo cho doanh nghiệp phản ánh các khoản nợ phải thu hồi được tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Do vậy công ty nên lập khoản dự phòng nợ phải thu để chủ động về tài chính trong những trường hợp nếu khách hàng thanh toán chậm hay phát sinh những khoản nợ khó đòi. Mức lập dự phòng không quá 20% tổng số nợ phải thu khó đòi tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

-Nâng cao, hoàn thiện bộ máy quản lý chi phí trong công ty, tránh phát sinh những khoản không cần thiết như tiếp khách, hội họp, mua tài sản cố định không dùng cho mục đích kinh doanh sẽ ảnh hưởng không ít đến hiệu quả sử dụng vốn.

3.2.4 Hoàn thiện quy trình luân chuyển chứng từ

Để đảm bảo việc giao nhận chứng từ không xảy ra mất mát hoặc bỏ sót và dễ dàng quy trách nhiệm cũng như tìm lại chứng từ thất lạc, khi bàn giao chứng từ giữa các phòng ban cần có biên bản bàn giao hoặc sổ theo dõi quy trình luân chuyển chứng từ. Như vậy khi không thấy chứng từ, các phòng ban có thể xem xét, kiểm tra và đối chiếu với sổ theo dõi chứng từ. Nhờ đó mà dễ dàng tìm lại chứng từ hoặc quy trách nhiệm cho người cụ thể.

KẾT LUẬN

Vốn bằng tiền là một trong những phần mềm kế toán quan trọng trong hệ thống hạch toán kế toán tại các doanh nghiệp. Kế toán vốn bằng tiền theo dõi chi tiết các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền tệ, quan tâm đến dòng tiền, nhằm cung cấp thông tin một cách kịp thời, chính xác về nguồn vốn của doanh nghiệp. Từ đó có biện pháp thích hợp, kịp thời nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền tại doanh nghiệp.

- Em xin chân thành cảm ơn sự theo dõi của thầy, cô và các bạn!

Vì kiến thức của em còn hạn chế, thời gian thực tập ngắn nên khoá luận của em còn nhiều thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo các thầy cô để em có được nhận thức đúng hơn nữa giúp em áp dụng vào thực tế sau này tốt hơn.

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU 1

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN 2

VỐN BẰNG TIỀN..... 2

1.1 MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ VỐN BẰNG TIỀN 2

1.1.1. Khái niệm: 2

1.1.2. Nguyên tắc hạch toán 3

1.1.3. nhiệm vụ hạch toán 3

1.1.4. Nguyên tắc quản lý tiền mặt..... 4

1.2 TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN 5

- Tài khoản 1132: Ngoại tệ 1.2.1. kế toán tiền mặt tại quỹ..... 5

1.2.1.1. chứng từ sử dụng 6

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng 7

1.2.1.3. Kế toán 1 số nghiệp vụ..... 8

1.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng 9

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng để hạch toán tiền gửi ngân hàng..... 11

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng Tài khoản 112- Tiền gửi ngân hàng 11

1.2.3 kế toán tiền đang chuyển..... 14

1.2.3.1 Chứng từ sử dụng để hạch toán tiền đang chuyển 14

1.2.3.2 Tài khoản sử dụng 14

1.2.3.3 Kế toán một số nghiệp vụ..... 15

1.3 VẬN DỤNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN TRONG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP 15

1.3 VẬN DỤNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN TRONG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP 16

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CP DTC VIỆT NAM 17

2.1. Giới thiệu chung về công ty CP DTC Việt Nam 17

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty CP DTC Việt Nam : 17

2.1.2 Lĩnh vực hoạt động và bộ máy quản lý của công ty CP DTC Việt Nam : 17

2.1.3 Hình thức kế toán và hệ thống sổ sách mà công ty CP DTC Việt Nam : 19

2.2.1. Kế toán tiền mặt tại quỹ tại công ty CP DTC Việt Nam..... 24

2.2.1.1. Tài khoản sử dụng 24

2.2.1.2. Chứng từ sử dụng 24

2.2.1.3. Sổ sách kế toán sử dụng để hạch toán tiền mặt tại quỹ..... 24

2.2.1.4. Trình tự ghi sổ hạch toán kế toán tiền mặt tại quỹ..... 24

2.2.1.5. Kế toán thu , chi tại công ty 25

2.2.1.6. Kế toán một số nghiệp vụ liên quan đến tiền mặt tại quỹ.....	25
2.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng tại CT CP DTC Việt Nam	41
2.2.2.1. Tài khoản sử dụng	41
2.2.2.2. Chứng từ sử dụng	41
2.2.2.3.Sổ sách kế toán sử dụng	41
2.2.2.4. Trình tự ghi sổ hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng.....	41
2.2.2.5. Kế toán một số nghiệp vụ liên quan đến tiền gửi ngân hàng	41
CHƯƠNG 3:MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC	
HẠCH TOÁN KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CP DTC VIỆT	
NAM	54
3.1. Đánh giá chung về tổ chức hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại công ty CP	
DTC Việt Nam	54
3.1.1Ưu điểm: Sau một thời gian thực tập tại công ty em đã nhận thấy công tác tổ	
chức hạch toán kế toán có những ưu điểm sau:	54
3.1.2 nhược điểm.....	55
3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiệnj tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại	
công ty CP DTC Việt Nam	56
3.2.1 Hoàn thiện tăng cường kiểm kê quỹ tiền mặt.	57
3.2.2 Hoàn thiện nhân sự.....	59
3.2.3 Hoàn thiện về nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền.....	59
3.2.4 Hoàn thiện quy trình luân chuyển chứng từ.....	60
KẾT LUẬN	61